**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHƯƠNG MỸ**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09** /2018/HS-ST
Ngày 04-01-2018

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Tiến Trường

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Ngọc Quý

Ông Trần Văn Huề

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Đắc Hùng**,** Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Anh Tấn, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 143/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2017/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. NGUYỄN ĐĂNG M**, sinh năm 1973 tại huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng thôn Đ (từ năm 2004-2009); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đăng X và bà Hà Thị S; có vợ là Nguyễn Thị K và 06 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Danh chỉ bản số 403 lập ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại Công an huyện Chương Mỹ; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại Trại tạm giam số 02 – Công an Thành phố Hà Nội, có mặt.

**2. NGUYỄN VĂN M**, sinh năm 1966 tại huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên Phó Trưởng thôn Đ (từ năm 2004-2009); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Trịnh Thị H và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1991; Danh chỉ bản số 403 lập ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại Công an huyện Chương Mỹ; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ năm 2004 đến năm 2007, Trưởng thôn Đ (*thuộc xã H, nay thuộc xã N, huyện C*) **Nguyễn Đăng M** cùng phó thôn **Nguyễn Văn M** đã tạo nguồn kinh phí làm đường trong thôn bằng cách tổ chức họp dân đề ra chủ chương lấy đất nông nghiệp (quỹ đất 1) của các hộ dân dọc theo đường trục thôn (khu vực đồng Mầu Chòi) với tổng diện tích **4.951m2** để phân lô, cho đấu thầu không thời hạn, thu tiền một lần (thực chất là bán đất) với số tiền **401.943.000 đồng**, cụ thể như sau:

**[1] Hành vi bán thầu đất nông nghiệp năm 2004**: Ngày 05 tháng 5 năm 2004, Trưởng thôn **Nguyễn Đăng M** chủ trì họp dân thôn Đồi Ngai để thông qua chủ trương lấy đất nông nghiệp của các hộ giáp đường trục thôn (*Loại đất lúa quỹ 1, giao theo Nghị định 64/CP*) để phân lô bán thầu sử dụng đất không thời hạn, thu tiền một lần.

Ngày 10 tháng 5 năm 2004, Trưởng thôn **Nguyễn Đăng M** và phó thôn **Nguyễn Văn M** cùng đại điện các đoàn thể và nhân dân trong thôn gồm bà **Nguyễn Thị B** (*Chi hội trưởng phụ nữ thôn*), ông **Đỗ Xuân T** (*Chi hội trưởng người cao tuổi thôn*), ông **Nguyễn Duy Tr** (*Đại diện nhân dân*) đã lập biên bản lấy đất nông nghiệp của 18 hộ dân với tổng diện tích 4.308,8 m2 với thỏa thuận trích 25% tiền đấu thầu để bồi thường hoa màu và cam kết đến khi chia lại ruộng sẽ trả lại cho các hộ. Cụ thể:

1. Hộ **Nguyễn Duy K**: Diện tích đất thôn lấy ra là 538 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 11.163.000 đồng.

2. Hộ **Bạch Viết Tr1**: Diện tích đất thôn lấy ra là 404 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 8.383.000 đồng.

3. Hộ **Bạch Viết T1**: Diện tích đất thôn lấy ra là 342 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 7.353.000 đồng.

4. Hộ **Bạch Viết L**: Diện tích đất thôn lấy ra là 307 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 6.370.000 đồng.

5. Hộ **Nguyễn Duy T2** (vợ Lê Thị M): Diện tích đất thôn lấy ra là 265 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 5.498.000 đồng.

6. Hộ **Nguyễn Văn L1**: Diện tích đất thôn lấy ra là 247$m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 5.125.000đồng.

7. Hộ **Cao Văn M1** (Vợ Cao Thị H): Diện tích đất thôn lấy ra là 176 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 3.652.000 đồng.

8. Hộ **Bạch Viết S** (vợ Cao Thị T): Diện tích đất thôn lấy ra là 151 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 3.133.000 đồng.

9. Hộ **Bạch Viết N**: Diện tích đất thôn lấy ra là 126$m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 2.614.000đồng.

10. Hộ **Nguyễn Thị N1**: Diện tích đất thôn lấy ra là 73,8 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 1.531.000 đồng.

11. Hộ **Cao ĐìnhP** (Phủng): Diện tích đất thôn lấy ra là 70 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 1.452.000 đồng.

12. Hộ **Đỗ Xuân H** (Vợ Bạch Thị T): Diện tích đất thôn lấy ra là 51$m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 1.058.000 đồng.

13. Hộ **Nguyễn Văn H1**: Diện tích đất thôn lấy ra là 46 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 954.000 đồng.

14. Hộ **Nguyễn Văn P1** (vợ Nguyễn Thị H): Diện tích đất thôn lấy ra là 12 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 249.000 đồng.

15. Hộ **Nguyễn Văn Th** (vợ Cao Thị M): Diện tích đất thôn lấy ra là 497 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 10.312.000 đồng.

16. Hộ **Lê Văn Tr2**: Diện tích đất thôn lấy ra là 288 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 5.796.000 đồng.

17. Hộ **Trịnh Thị H2**: Diện tích đất thôn lấy ra là 245 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 5.080.000 đồng.

18. Hộ **Nguyễn Thanh C**: Diện tích đất thôn lấy ra là 470 $m^2$, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 9.752.000 đồng.

Sau khi lấy ra 4.308,8 m2 của các hộ, cộng với 178,2 m2 diện tích bờ vùng, bờ thửa thì thôn Đ có tổng quỹ đất **4.487 m2**. Lãnh đạo thôn Đ đã tổ chức cho phân lô, mỗi lô có ranh giới giáp đường trục 6 m, diện tích 180 m2 (*Trừ một số lô ở vị trí góc cạnh có diện tích nhiều hoặc ít hơn*).

Ngày 23 tháng 6 năm 2004, Trưởng thôn **Nguyễn Đăng M** và phó thôn **Nguyễn Văn M** cùng đại điện các đoàn thể và nhân dân trong thôn gồm bà Nguyễn Thị B (*Chi hội trưởng phụ nữ thôn*), ông Đỗ Xuân T (*Chi hội trưởng người cao tuổi thôn*), ông Nguyễn Duy Tr (*Đại diện nhân dân*) đã lập biên bản cho đấu thầu dài hạn đất nông nghiệp với 13 hộ trong thôn Đ với tổng diện tích 4.487 m2, thu tổng số tiền 371.743.000 đồng. Cụ thể:

1. Ông **Bạch Viết T1**: Diện tích đất đấu thầu: **1.615 m$^2$** (07 lô), số tiền nộp cho thôn là: 134.583.000 đồng.

Ngay sau khi đấu thầu , ông T1 chuyển nhượng lại cho ông **Nguyễn Văn T2** *(Trú tại: Thôn N, xã N)* được Trưởng thôn Nguyễn Đăng M xác nhận vào giấy chuyển nhượng ngày 23 tháng 6 năm 2004.

2. Trưởng thôn **Nguyễn Đăng M**: Diện tích đất đấu thầu : **540 m$^2$** (03 lô) số tiền nộp cho thôn là: 45.000.000 đồng.

Ngày 30-6-2004, Trưởng thôn M chuyển nhượng đất thầu cho **Nguyễn Văn Q** (*Trú tại: Thôn H, thị trấn Q, huyện Q*). Ngày 18/5/2010, Nguyễn Văn Q chuyển nhượng lại cho **Nguyễn Tất Th1** (*Trú tại: Thôn N, xã N, huyên C*). Kiểm tra hiện trạng, ông Nguyễn Tất Th1 sử dụng **555,1 m$^2$** đất, đã đổ đất tôn nền cao 0,6 m đang sử dụng mục đích trồng màu.

3. Ông **Hồ Viết S** (vợ là Trần Thị T): Diện tích đất đấu thầu: **360 m$^2$** (02 lô) số tiền nộp cho thôn là: 30.900.000 đồng.

Ngay sau khi đấu thầu, ông S chuyển nhượng cho ông **Trần Văn H** *(Trú tại: Thôn T, xã T)*. Ông H chuyển nhượng lại 180 m2 (01 lô) cho ông **Lê Văn U** (*Trú tại: Thôn N, xã N)*. Ông U tiếp tục chuyển nhượng lại 180 m2 cho ông **Nguyễn Văn Ng** *(Trú tại: Thôn H, xã N*). Kiểm tra hiện trạng , ông H đang sử dụng **180 m$^2$** đất vào mục đích trồng màu, ông Ng đang sử dụng 180 m2 vào mục đích trồng màu.

**4.** Bà **Lưu Thị T** (chồng Nguyễn Duy X): Diện tích đất đấu thầu : **237 m$^2$**, số tiền nộp cho thôn là: 15.000.000 đồng. Kiểm tra hiện trạng , bà T đang sử dụng **283 m$^2$** đất vào mục đích trồng màu

**5.** Ông **Nguyễn Tiến S1** (vợ Nguyễn Thị T): Diện tích đất đấu thầu: **231 m$^2$**, số tiền nộp cho thôn là: 15.000.000 đồng. Kiểm tra hiện trạng , bà T đang sử dụng **231 m$^2$** đất vào mục đích trồng màu

**6.** Ông **Nguyễn Duy K** (vợ là Nguyễn Thị D): Diện tích đất đấu thầu: **180 m$^2$**, số tiền nộp cho thôn là: 15.500.000 đồng

Ngay sau khi đấu thầu, ông K đã chuyển nhượng 180 m2 đất cho ông Nguyễn Văn Th1 (*Trú tại: Thôn N, xã N*). Ông Th1 chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Hữu H3 (*Trú tại: Thôn N, xã N*). Anh H3 tiếp tục chuyển nhượng cho anh Nguyễn Huy Ng1 (*Trú tại: Thôn V, xã T*). Kiểm tra hiện trạng, anh Ng1 đang sử dụng **185 m$^2$** đất, đã tự chuyển mục đích làm nhà 02 tầng để ở trên đất.

**7.** Ông **Bạch Văn Th2**: Diện tích đất đấu thầu: **360 m$^2$** (02 lô), số tiền nộp cho thôn là: 31.150.000 đồng

Ngay sau khi đấu thầu, ông Th2 đã chuyển nhượng 360 m2 cho ông Nguyễn Văn Th1 (*Trú tại: Thôn N, xã N*). Ông Th1 chuyển nhượng lại 360 m2 cho anh Nguyễn Hữu H3 (*Trú tại: Thôn N, xã N*). Ông Nguyễn Hữu H4 (bố đẻ H3) chuyển nhượng 180 m2 cho chị Bùi Thị V (*Trú tại: Tổ dân phố P, phường B, quận H*). Anh H3 chuyển nhượng 180 m2 còn lại cho anh Nguyễn Văn L2 (*Trú tại: S, xã N, huyện L, tỉnh H*)

Kiểm tra hiện trạng, chị V đang sử dụng **188,3 m$^2$** đất, đã đổ đất tôn nền và xây tường bao xung quanh cao 1,4 m; Anh L2 đang sử dụng 183,6m2 đất.

**8.** Ông **Đỗ Viết P2** (Đỗ Văn P2): Diện tích đất đấu thầu : **180 m$^2$** (01 lô), số tiền nộp cho thôn là: 15.610.000 đồng

Ông P2 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Đ (*Trú tại: Thôn N, xã N*). Kiểm tra hiện trạng , ông Đ đang sử dụng **184,5 m$^2$** đất, đã tự chuyển mục đích làm nhà và công trình phụ để ở trên đất.

**9.** Ông **Bạch Viết S2**: Diện tích đất đấu thầu : **180 m$^2$** (01 lô), số tiền nộp cho thôn là: 16.750.000 đồng.

Ông S2 chuyển nhượng lại cho ông Lê Đình Ch (*Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh H*). Ông Ch chuyển nhượng lại 180 m2 cho ông **Lê Văn U** (*Trú tại: Thôn N, xã N).* Ông U tiếp tục chuyển nhượng lại 180 m2 cho ông **Hoàng Văn K1.** Ông K1 nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Ng *(Trú tại: Thôn H, xã N*). Kiểm tra hiện trạng , ông Ng đang sử dụng **357,6 m$^2$** đất (hợp với lô mua của ông U), đã tự chuyển mục đích làm nhà cấp 4 và đổ đất tôn nền.

**10.** Ông **Nguyễn Duy H4**: Diện tích đất đấu thầu : **180 m$^2$** (01 lô), số tiền nộp cho thôn là: 15.550.000 đồng.

Ông H4 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Đ4 (*Trú tại: Thôn N, xã N*). Kiểm tra hiện trạn g, ông Đ đang sử dụng **185,7 m$^2$** đất, đã tự chuyển mục đích làm nhà và công trình phụ để ở trên đất.

**11.** Ông **Lê Văn Tr2 (Châu)**: Diện tích đất đấu thầu : **180 m$^2$** (01 lô), số tiền nộp cho thôn là: 15.600.000 đồng.

Ông Tr chuyển nhượng lại cho ông Bùi Ngọc C1 (*Trú tại: Thôn Đông N, xã N*). Ông C1 chuyển nhượng lại cho vợ chồng anh Trịnh Minh L2, chị Phùng Thị L3. Kiểm tra hiện t rạng, vợ chồng anh L2, chị L3 đang sử dụng **179,3 m$^2$** đất, đã đổ đất tôn nền nhưng để đất trống.

**12.** Bà **Hoàng Thị L4** (*chồng là Nguyễn Duy Tr3*): Diện tích đất đấu thầu : **64 m$^2$**, số tiền nộp cho thôn là: 5.300.000 đồng. Kiểm tra hiện trạng, bà L4 đang sử dụng **192,4 m$^2$** đất vào mục đích trồng màu

**13.** Ông **Nguyễn Văn T3**: Diện tích đất đấu thầu: **180 m$^2$** (01 lô), số tiền nộp cho thôn là: 15.800.000 đồng.

Ông T3 tặng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Đình T4. Kiểm tra hiện trạng, vợ chồng bà Ng, ông T4 đang sử dụng **334,3 m$^2$** đất, đã tự chuyển mục đích làm nhà và công trình phụ để ở trên đất.

Tổng số tiền bán thầu đất đã thu **371.743.000 đồng** được giao cho Trưởng thôn Nguyễn Đăng M quản lý và quyết định chi vào các khoản : Trả tiền đền bù hoa màu cho hộ 18 hộ bị lấy đất nông nghiệp là **89.655.000đồng**, chi làm đường thôn và sửa chữa khu nhà trẻ là **282.088.000 đồng**.

Tại Kết luận định giá ngày 02 tháng 8 năm 2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận giá trị quyền sử dụng **4.487 m$^2$** đất nông nghiệp có giá trị tại thời điểm giao bán thầu năm2004 là: **45.767.200 đồng**.

**[2] Hành vi bán thầu đất nông nghiệp năm 2006**: Theo đề nghị của ông Nguyễn Văn T2 (*người nhận chuyển nhượng **1.615 m$^2$** đất của ông Bạch Viết T1*) về việc giao thiếu đất bán thầu, Trưởng thôn Nguyễn Đăng M và Phó thôn Nguyễn Văn M cùng đại điện các đoàn thể và dân thôn Đ đã đo lại xác định phần đất mà ông T 1 nhận thầu đã nhượng lại cho ông T2 bị thiếu 115 m2.

Ngày 11 tháng 01 năm 2006, Trưởng thôn **Nguyễn Đăng M** và P hó thôn **Nguyễn Văn M** cùng đại điện các đoàn thể và nhân dân trong thôn đã lập biên bản lấy đất nông nghiệp (quỹ đất 1) của hộ **Nguyễn Thanh C**: Diện tích đất thôn lấy ra là **279 m$^2$**, trong đó trả ông T2 **115 m2** đất thiếu và bán thầu thêm cho ông Nguyễn Văn T2 **164 m2**, thu được số tiền **13.600.000 đồng.**

Số tiền bán thầu đất thôn thu **13.600.000 đồng** được Trưởng thôn quản lý và chi trả tiền đền bù hoa màu cho hộ ông C là **4.230.000 đồng**, chi xây dựng tường bao chùa **9.370.000 đồng**.

Tại Kết luận định giá ngày 02 tháng 8 năm 2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận giá trị quyền sử dụng **164 m$^2$** đất nông nghiệp có giá trị tại thời điểm giao bán thầunăm 2006 là: **8.856.000 đồng**.

**[3] Hành vi bán thầu đất nông nghiệp năm 2007**: Ngày 18 tháng 10 năm 2007, Trưởng thôn **Nguyễn Đăng M** và Phó thôn **Nguyễn Văn M** cùng đại điện các đoàn thể và nhân dân trong thôn đã lập biên bản lấy đất nông nghiệp (quỹ đất 1) của hộ **Lê Văn Đ1**: Diện tích đất thôn lấy ra là **330 m$^2$**, tiền đền bù hoa màu cho hộ là 9.150.000 đồng. Số diện tích **330 m2** đất này được dành ra **30 m2** để cạp đường, diện tích **300 m2** còn lại được lãnh đạo thôn lập biên bản bán thầu cho ông Lê Văn Tr2, thu được số tiền **16.600.000 đồng**.

Số tiền bán thầu đất thu **16.600.000 đồng** được Trưởng thôn quản lý và chi trả tiền đền bù hoa màu cho hộ ông Đ1 là **9.150.000 đồng**, chi nạo vét ao xóm **7.450.000 đồng**.

Tại Kết luận định giá ngày 02 tháng 8 năm 2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận giá trị quyền sử dụng **300 m$^2$** đất nông nghiệp có giá trị tại thời điểm giao bán thầunăm 2007 là: **16.200.000 đồng**.

Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp dọc theo đường trục thôn Đ mà Trưởng thôn **Nguyễn Đăng M** và Phó thôn **Nguyễn Văn M** đã thỏa thuận lấy đất của 20 hộ dân để phân lô bán thầu cho trong các năm 2004, 2006, 2007 là **4.951 m2** thu được tổng số tiền là **401.943.000 đồng** được Trưởng thôn Nguyễn Đăng M trực tiếp quản lý và chi hết vào việc đền bù hoa màu cho các hộ bị lấy đất **103.035.000 đồng**, làm đường thôn và sửa chữa nhà trẻ năm 2004 là **282.088.000 đồng**; chi xây dựng tường bao chùa năm 2006 là **9.370.000 đồng**; chi cải tạo nạo vét ao xóm năm 2007 là **7.450.000 đồng**.

Tại Kết luận định giá ngày 02 tháng 8 năm 2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận tổng giá trị quyền sử dụng **4.951 m$^2$** đất nông nghiệp có giá trị tại thời điểm giao bán thầu là: **70.823.400 đồng**.

Cáo trạng số 137/CT-VKS ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố **Nguyễn Đăng M** và **Nguyễn Văn M** về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*" theo điểm b, c Khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng quy kết và xin được giảm nhẹ hình phạt. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khách quan đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa khẳng định có đầy đủ căn cứ truy tố các bị cáo về tội "*Lợi dụng chức vụ , quyền hạn trong khi thi hành công vụ*" và phạm vào tình tiết định khung hình phạt là "*Phạm tội nhiều lần*" và "*Gây hậu quả nghiêm trọng*"; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò phạm tội của từng bị cáo , các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị: Áp dụng điểm b, c Khoản 2 Điều 281; Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 phạt **Nguyễn Đăng M** từ 18 đến 24 năm tù, phạt **Nguyễn Văn M** từ 15 đến 18 tháng tù. Áp dụng khoản 4 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 đề nghị phạt bổ sung cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ quản lý từ 03 đến 05 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tội danh*: Căn cứ các quy định về tổ chức hoạt động của thôn và tổ dân phố có hiệu lực tại thời điểm thực hiện tội phạm gồm: Quyết định số 13/2002/QĐ-UB ngày 06-12-2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy chế về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; Quyết định số 902/2003/QĐ-UB ngày 01-7-2003 của UBND tỉnh Hà Tây (cũ) về ban hành quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Tây; Quyết định số 133/2003/QĐ-UB ngày 22-10-2003 của UBND thành phố Hà Nội (cũ) về ban hành quy chế về tổ chức, hoạt động của thôn; Quyết định số 42/2010/QĐ-UB ngày 30-8-2010 của UBND thành phố Hà Nội về ban hành quy chế về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội đều quy định rõ: ***Thôn không phải là một cấp hành chính****, Trưởng thôn là* ***người đại diện cho nhân dân*** *ở thôn do cử tri hoặc cử tri đại diện cho các hộ gia đình trong thôn bầu ra theo nhiệm kỳ và được Chủ tịch UBND xã ra quyết định công nhận; Phó Trưởng thôn có nhiệm vụ giúp việc cho Trưởng thôn ; Không có quy định nào giao cho Trưởng thôn , Phó thôn có thẩm quyền về quản lý đất đai trên địa bàn thôn*. Luật đất đai năm 1993 và năm 2003 có quy định: *Người nào* ***lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái với quy định của pháp luật trong giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất*** *...thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.*

Đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ năm 2004 đến năm 2007, **Nguyễn Đăng M** với cương vị là Trưởng thôn Đ và **Nguyễn Văn M** với cương vị là Phó Trưởng thôn Đ đã lợi dụng chủ trương tạo nguồn kinh phí làm đường và xây dựng công trình trong thôn để họp dân thỏa thuận lấy đất nông nghiệp (quỹ đất 1) dọc theo đường trục

thôn với tổng diện tích **4.951 m2**, giá trị được định giá là **70.823.400 đồng** để phân lô, cho đấu thầu không thời hạn, thu tiền một lần (thực chất là bán đất) thu số tiền **401.943.000 đồng**, đã chi đền bù hoa màu cho các hộ bị lấy đất **103.035.000 đồng**, làm đường thôn và sửa chữa nhà trẻ năm 2004 là **282.088.000 đồng**; chi xây dựng tường bao chùa năm 2006 là **9.370.000 đồng**; chi cải tạo nạo vét ao xóm năm 2007 là **7.450.000 đồng**. Hậu quả nhiều lô đất nông nghiệp đã được chủ sử dụng mua đi, bán lại nhiều lần, bán cả cho người ở địa phương khác được Trưởng thôn Nguyễn Đăng Mạnh xác nhận, nhiều trường hợp đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất để làm nhà ở và xây dựng các công trình trên đất cho đến nay chưa g iải quyết được những vi phạm trong việc quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn. Hành vi đó của **Nguyễn Đăng M** và **Nguyễn Văn M** phạm vào tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*" với tình tiết định khung "*Phạm tội nhiều lần*" theo điểm b Khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ truy tố các bị cáo theo điểm b Khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ. Tuy nhiên, về tình tiết định khung "*Gây hậu quả nghiêm trọng*" theo Điểm c Khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 do chưa được hướng dẫn cụ thể nên không có căn cứ áp dụng; Theo Điểm c Khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 thì tình tiết "*Gây hậu quả nghiêm trọng*" được quy định cụ thể là "*Gây thiệt hại về tài sản từ **200.000.000 đồng** đến dưới **1.000.000.000 đồng***". Theo đó, với giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp được định giá tại thời điểm vi phạm là **70.823.400đồng** thì các bị cáo không phạm vào tình tiết định khung "*Gây hậu quả nghiêm trọng*" theo điểm c Khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] *Về tính chất của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo đó làm trái quy định của Nhà nước về quản lý đất đai dẫn đến hậu quả hàng nghìn mét vuông đất nông nghiệp thuộc quỹ đất 1 trên địa bàn thôn Đ bị phân lô, giao bán dưới hình thức giao thầu không thời hạn, thu tiền một lần, sau đó nhiều chủ sử dụng đã mua đi, bán lại và sử dụng sai mục đích, xây dựng nhà ở và công trình trái phép trên đất, đến nay vẫn chưa xử lý được, gây dư luận xấu trong trong nhân dân, ảnh hưởng đến việc thực thi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trên cương vị Trưởng, Phó thôn Đ mà các bị cáo được đảm nhiệm, lẽ ra các bị cáo phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức cho nhân dân trong thôn thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ do UBND xã giao nhưng lại lợi dụng cương vị đó để giao bán đất trái thẩm quyền, thu lợi về cho thôn để làm đường và các công trình khác trong thôn Đồi Ngai. Thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù thoả đáng vừa có tác dụng giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện tính kiên quyết trong việc đấu

tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng về lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn huyện C, Thành phố Hà Nội.

Trong vụ án này, ngoài các bị cáo còn có Chi hội trưởng hội người cao tuổi, Chi hội trưởng hội phụ nữ, Bí thư chi đoàn và đại diện nhân dân trong thôn (*một số người đã chết*) tham gia vào hoạt động giao bán đất trái thẩm quyền nhưng do tính chất, mức độ tham gia hạn chế nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với việc xử lý tồn tại đối với những vi phạm Luật đất đai của các chủ sử dụng đất nhận giao thầu và nhận chuyển nhượng đất giao thầu trên địa bàn thôn Đồi Ngai thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước về đất đai của UBND xã N và UBND huyện C nên không xem xét trong vụ án này.

[3] *Về vai trò phạm tội của từng bị cáo*: Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đăng M khi phạm tội là Trưởng thôn chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức họp dân, đề ra chủ trương lấy đất nông nghiệp của các hộ dân để phân lô giao bán trái thẩm quyền và trực tiếp quản lý việc thu , chi số tiền thu lợi cho thôn, bản thân bị cáo cũng tham gia mua thầu sau đó chuyển nhượng lại cho người khác và trực tiếp xác nhận vào các giấy chuyển nhượng, sử dụng đất sai mục đích….Theo đó, bị cáo Nguyễn Đăng M là người có vai trò phạm tội chính, phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Văn M là Phó thôn giúp việc cho Trưởng thôn, không có vai trò quyết định trong quá trình phạm tội.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng , giảm nhẹ*: Khi quyết định hình phạt thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, được hưởng tình tiết giảm nhẹ chung quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là "*Khai nhận tội thành khẩn*" và "*ăn năn hối cải*". Bị cáo Nguyễn Đăng M được tặng nhiều Giấy khen về thành tích trong công tác ở địa phương được giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo xuất phát từ việc nôn nóng muốn có kinh phí để xây dựng các công trình hạ tầng trong thôn, hiện tại thì các công trình đường bê tông, nhà trẻ đã phát huy lợi ích nhất định nên nhiều người dân thôn Đ cùng ký vào đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Thấy đủ điều kiện áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ về quản lý kinh tế và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù theo quy định tại Khoản 4 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và người tiến hành tố tụng khác trong vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Đăng M, Nguyễn Văn M** phạm tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*"

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 281; điểm p khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt:

+ **Nguyễn Đăng M 18** (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2017.

+ **Nguyễn Văn M 15** (mười năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2017.

**- Về hình phạt bổ sung:** Căn cứ Khoản 4 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999, cấm các bị cáo Nguyễn Đăng M, Nguyễn Văn M đảm nhiệm các chức vụ về quản lý kinh tế và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**- Về án phí**: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án : Buộc các bị cáo Nguyễn Đăng M, Nguyễn Văn M mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Toà án thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ (02 bản để gửi VKSND thành phố Hà Nội 01 bản);
- Trại tạm giam số 02, CATP Hà Nội;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- UBND xã N

(Thay Thông báo kết quả xét xử);
- Lưu hồ sơ; VP. Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nguyễn Tiến Trường***